

**UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Số: /SNN&PTNT-TT&BVTV Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

V/v cung cấp thông tin về tình hình sản xuất cây dừa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Viện Quy hoạch và TKNN – Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện Công văn 368/VQH-PTBV, ngày 17/10/2022 của Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp về Thực hiện Đề án “Phát triển cây dừa đến năm 2022”; Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hoá đã giao nhiệm vụ cho Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh rà soát, tổng hợp thông tin về tình hình phát triển cây dừa trên địa bàn tỉnh *(Có Biểu thu thập thông tin kèm theo)*.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa Thanh Hóa báo cáo Viện Quy hoạch và TKNN - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu VT, TT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Việt Chọn

BIỂU THU THẬP THÔNG TIN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ
I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị cung cấp thông tin: Chi cục Trồng trọt và BVTV-Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa
Người cung cấp thông tin: Cao Thị Thoa
Chức vụ: Chuyên viên
Đơn vị: Phòng Trồng trọt, chi cục Trồng trọt và BVTV
Điện thoại: 0705420268 Email: caothithoa@gmail.com

II. HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT DỪA TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Hiện trạng sản xuất

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			
			2011	2015	2020	2021
I	DIỆN TÍCH					
1	Diện tích trồng	Ha	950	910	751,7	755,4
2	Diện tích đã cho sản phẩm	Ha	844	868	430	743
-	Diện tích trồng thuần	Ha				
-	Diện tích trồng xen	Ha	844	868	430	743
3	Diện tích trồng dứa đặc sản (dứa sáp, dứa dứa...)	Ha				
4	Diện tích sản xuất theo tiêu					
-	VietGAP	Ha			10	10
-	GlobalGAP	Ha				
-	Hữu cơ	Ha				
5	Diện tích được cấp mã số vùng	Ha				
II	NĂNG SUẤT					
1	Năng suất bình quân	Tạ/ha	125,5	126,2	173,5	173,6
2	Năng suất dứa đặc sản	Tạ/ha				
3	Năng suất dứa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	Tạ/ha			180	180
4	Năng suất dứa sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP	Tạ/ha				
5	Năng suất dứa sản xuất theo tiêu chuẩn Hữu cơ	Tạ/ha				
III	SẢN LƯỢNG					
1	Sản lượng chung	Tấn	10.596	10.955,4	7.469,2	12.898,5
2	Sản lượng dứa đặc sản	Tấn				
3	Sản lượng dứa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	Tấn			180	180

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			
			2011	2015	2020	2021
4	Sản lượng dừa sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP	Tấn				
5	Sản lượng dừa sản xuất theo tiêu chuẩn Hữu cơ	Tấn				
IV	SỐ ĐƠN VỊ TRỒNG DỪA					
1	Doanh nghiệp, hợp tác xã	DN/HTX				
2	Hộ dân	Hộ				

- Diện tích trồng dừa tập trung: 74,3 ha

- **Đánh giá việc chuyển đổi vùng trồng giữa cây dừa và các cây lâu năm khác:**

Hiện nay, cây dừa *chưa* được xác định là cây ăn quả chủ lực, có lợi thế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; dừa chủ yếu được trồng phân tán, tận dụng các bờ ao trong vườn nhà hoặc trên các bờ kênh, bờ thửa trong khu trang trại có nuôi trồng thủy sản, trồng xen với các loại cây trồng khác. Diện tích dừa trồng tập trung ít (74,3 ha) rải rác tại một số huyện.

2. Tình hình sử dụng giống dừa

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			
			2011	2015	2020	2021
1	Số lượng cơ sở giống					
2	Nguồn gốc giống					
-	<i>Mua trồng</i>	%	90	95	100	100
+	Dừa lấy dầu	%				
+	Dừa uống nước	%	90	95	100	100
-	<i>Tự ương</i>	%	10	5		
+	Dừa lấy dầu	%				
+	Dừa uống nước	%	10	5		

3. Các loại giống chính

TT	Tên giống	Sơ bộ tỷ lệ % diện tích gieo trồng	Nguồn cung cấp giống	Ghi chú
1	Dừa ta	20	Tự ương	
2	Dừa dâu			
3	Dừa xiêm	75	mua tại các cửa hàng VTNN	
4	Dừa xiêm lai			
5	Dừa dứa			
6	Dừa lửa	5	mua tại các cửa hàng VTNN	
7	Dừa táo xanh			

8	Dừa xanh quả dài			
9	Khác			

4. Độ tuổi, năng suất dừa

TT	Độ tuổi, năng suất	Sơ bộ tỷ lệ % diện tích	Ghi chú
I	Độ tuổi		
1	1 – 10 năm	75	
2	11 – 20 năm	20	
3	21 – 30 năm	5	
4	> 31 năm		
II	Năng suất theo tuổi cây		
1	10 – 30 quả/cây	10	
2	31 – 45 quả/cây	40	
3	46 – 61 quả/cây	50	
4	> 60 quả/cây		

5. Tình hình sâu, bệnh hại dừa

TT	Sâu, bệnh hại	Tỷ lệ %	Mức độ (nhẹ, vừa, nhiều)
I	Sâu hại		
1	Bọ dừa	80	Nhiều
2	Kiến vương	15	Vừa
3	Sâu đùng	3	Nhẹ
4	Các loại sâu hại lá khác	2	Nhẹ
II	Bệnh hại		
1	Đốm lá	5	Nhẹ
2	Thối lá non	5	Nhẹ
3	Khác		
III	Khác (chuột đục....)		

5. Khái quát chi phí đầu tư sản xuất (cho 1 năm): diện tích Dừa trên địa bàn tỉnh chủ yếu là diện tích dừa trồng tại các vườn hộ, các trang trại nên việc chăm sóc chỉ tận dụng vào nguồn phân hữu cơ sẵn có hoặc không đầu tư chăm sóc. Sau

đây là dự kiến chi phí đầu tư sản xuất đối với mô hình trồng tập trung, thâm canh, cây dứa cho thu hoạch ổn định từ năm thứ 4 trở đi:

Hạng mục	Số lượng	Tiền (1.000đ)
A. Chi phí		90.000
1. Giống (cây)		
- Mật độ (cây/ha)	300	36.000
2. Phân bón		
- Phân hữu cơ (tấn)	6	6.000
- Phân vi sinh (kg)		
- Phân vô cơ (kg)	150	21.000
4. Thuốc BVTV		2.000
5. Nhiên liệu		
6. Khác		5.000
III. Dịch vụ phí		
1. Làm đất		3.000
2. Thuỷ lợi phí		
3. Bảo vệ thực vật		4.000
4. Quản lý phí		
IV. Lao động		
1. Lao động nhà (công)	30	6.000
2. Lao động thuê (công)	10	2.000
3. Giá 1 ngày công thuê (đ/công)		200
V. Chi khác		5.000
B. Doanh thu		
1. Sản phẩm chính	25.000 quả x	200.000
2. Sản phẩm phụ (phế thải)		
C. Lợi nhuận		110.000

**6. Hiện trạng các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến dứa trên địa bàn:
Không có**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			
			2011	2015	2020	2021
1	Số cơ sở chế biến	Cơ sở				
-	Tổng công suất thiết kế	Tấn/năm				
-	Tổng công suất thực tế	Tấn/năm				
2	Sản lượng thực tế đưa vào chế biến	Tấn				
3	Sản lượng sản phẩm thu được	Tấn				
4	Tỷ lệ thu hồi sản phẩm	%				

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			
			2011	2015	2020	2021
5	Công nghệ chế biến					
-	Xuất xứ trang thiết bị chủ yếu (Trung Quốc, Úc, Ấn Độ...)					
-	Đánh giá về dây chuyền thiết bị (lạc hậu, trung bình, tiên tiến, hiện đại)	%				

7. Khối lượng và tình hình tái sử dụng phế phụ phẩm từ sản xuất chế biến dứa: *Không có*

7.1. Khối lượng phế phụ phẩm

TT	Phế phụ phẩm	ĐVT	Năm			
			2011	2015	2020	2021
1	Vỏ cứng	Tấn				
2	Bã com dứa	Tấn				
3	Khác	Tấn				

7.2. Tình hình tái sử dụng phế phụ phẩm sau chế biến

TT	Phế phụ phẩm	ĐVT	Năm			
			2011	2015	2020	2021
1	Vỏ cứng	%				
2	Bã com dứa	%				
3	Khác	%				

7.3. Các sản phẩm phế phụ phẩm được chế biến : *Không có*

TT	Tên sản phẩm	Tỷ lệ chế biến	Giá bán
1	Than gáo dứa		
2	Than hoạt tính		
3	Chỉ xơ dứa		
4	Mụn dứa		
5	Khác		

8. Hiện trạng tiêu thụ dứa trên địa bàn: chủ yếu thu hoạch bán dứa để uống nước

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			
			2011	2015	2020	2021
1	Số cơ sở tiêu thụ	Cơ sở				
2	Số cơ sở xuất khẩu	Cơ sở				
3	Tổng lượng tiêu thụ	Tấn/năm				

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			
			2011	2015	2020	2021
4	Sản phẩm tiêu thụ					
-	Sản phẩm chính (được chế biến từ nước dừa tươi, cơm dừa,	Tấn/năm	10.596	10.955,4	7.469,2	12.898,5
-	Sản phẩm khác (được chế biến từ vỏ dừa, gáo dừa...)	Tấn/năm				
5	Tổng lượng xuất khẩu	Tấn				
-	Sản phẩm chính (được chế biến từ nước dừa tươi, cơm dừa,	Tấn/năm				
-	Sản phẩm khác (được chế biến từ vỏ dừa, gáo dừa...)	Tấn/năm				

9. Tình hình sử dụng, hình thức tiêu thụ quả dừa: sử dụng mục đích uống nước là chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Tình hình sử dụng		
1	Dừa tươi	100	
2	Cơm dừa		
3	Nước dừa khô		
4	Vỏ dừa		
5	Gáo dừa		
II	Tình hình tiêu thụ		
1	Dừa tươi	100	
2	Cơm dừa		
-	Cơm dừa nạo sấy		
-	Sữa dừa đóng lon		
-	Bột sữa dừa		
-	Kẹo dừa		
-	Dầu dừa thô		
-	Cám dừa		
3	Nước dừa khô		
-	Thạch dừa		
-	Thạch dừa chế biến		
4	Vỏ dừa		
-	Chỉ xơ dừa		

-	Lưới xơ dừa		
-	Mụn dừa		
5	Gáo dừa		
-	Than gáo dừa		
-	Than hoạt tính		
-	Thủ công mỹ nghệ		
IV	Hình thức bán		
1	Bản sỉ	5	
2	Bán lẻ	90	

10. Thị trường tiêu thụ:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			
			2011	2015	2020	2021
1	Nội tỉnh	Tấn	10.596	10.955,4	7.469,2	12.898,5
2	Trong nước					
3	Xuất khẩu					

11. Hiện trạng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm dừa: Không có.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DỪA ĐẾN NĂM 2030 CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Định hướng phát triển sản xuất:

Tỉnh Thanh Hóa không xác định cây dừa là cây trồng chủ lực, hoặc có lợi thế trên địa bàn, do đó định hướng thời gian tới ổn định diện tích hiện có, thâm canh trên diện tích tập trung;

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm		
			2022	2025	2030
I	DIỆN TÍCH				
1	Diện tích trồng	Ha	760	760	760
2	Diện tích cho sản phẩm	Ha	745	760	760
-	Diện tích trồng thuần	Ha	75	75	
-	Diện tích trồng xen	Ha	670	695	695
3	Diện tích trồng dừa đặc sản (dừa sáp, dừa dứa...)	Ha			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm		
			2022	2025	2030
4	Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn				
-	VietGAP	Ha	10	30	50
-	GlobalGAP	Ha			
-	Hữu cơ	Ha			
5	Diện tích được cấp mã số vùng trồng	Ha			
II	NĂNG SUẤT				
1	Năng suất bình quân	Tạ/ha	174	176	178
2	Năng suất dừa đặc sản	Tạ/ha			
3	Năng suất dừa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	Tạ/ha	180	182	185
4	Năng suất dừa sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP	Tạ/ha	13.224	13.376	13.528
5	Năng suất dừa sản xuất theo tiêu chuẩn Hữu cơ	Tạ/ha			
III	SẢN LƯỢNG				
1	Sản lượng chung	Tấn			
2	Sản lượng dừa đặc sản	Tấn			
3	Sản lượng dừa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP	Tấn	180	540	900
4	Sản lượng dừa sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP	Tấn			
5	Sản lượng dừa sản xuất theo tiêu chuẩn Hữu cơ	Tấn			

- **Diện tích phát triển trồng dừa (tên vùng, diện tích):** Diện tích dừa tập trung tại các huyện có đất bãi ven sông hoặc các huyện ven biển như Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Thọ Xuân, ...

2. Định hướng giống dừa chủ đạo: Xu hướng các hộ chủ yếu trồng giống dừa xiêm

TT	Tên giống	% diện tích	Nguồn cung cấp giống	Ghi chú
1	Dừa ta			
2	Dừa dâu			
3	Dừa xiêm	80	Mua giống từ cơ sở bán VTNN	
4	Dừa xiêm lai			
5	Dừa dứa			
6	Dừa lửa	10	Mua giống từ cơ sở bán VTNN	
7	Dừa táo xanh			

8	Dừa xanh quả dài			
9	Khác	10	Mua giống từ cơ sở bán VTNN	

4. Định hướng phế phụ phẩm: Không có

TT	Phế phụ phẩm	ĐVT	Năm		
			2022	2055	2030
1	Vỏ cứng	Tấn			
2	Bã cơm dừa	Tấn			
3	Khác	Tấn			

5. Định hướng chế biến dừa trên địa bàn: Không

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm		
			2022	2025	2030
1	Số cơ sở chế biến	Cơ sở			
-	Tổng công suất thiết kế	Tấn/năm			
-	Tổng công suất thực tế	Tấn/năm			
2	Sản lượng thực tế đưa vào chế biến	Tấn			
3	Sản lượng sản phẩm thu được	Tấn			
4	Công nghệ chế biến				

IV. Các cơ chế chính sách và ý kiến và đề xuất của địa phương:

Hiện nay, dừa được tiêu thụ chủ yếu theo hình thức thương lái thu mua tự do, hoặc người dân bán tại các chợ, các cửa hàng giải khát. Dừa chủ yếu sử dụng lấy nước uống, chưa có cơ sở chế biến dừa trên địa bàn tỉnh; Thị trường tiêu thụ dừa: trong nước, chưa có xuất khẩu; Chính sách hỗ trợ phát triển dừa trên địa bàn tỉnh: chưa có.

Qua đánh giá một số mô hình, điều kiện về khí hậu, thổ nhưỡng một số vùng tại Thanh Hóa khá phù hợp với cây dừa. Đề nghị Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và PTNT quan tâm hỗ trợ về kỹ thuật trồng, chăm sóc; hỗ trợ về giống để xây dựng các mô hình trồng dừa tập trung, mang lại hiệu quả kinh tế từ đó có thể nhân rộng trên địa bàn tỉnh.